

Số: 205A/2022/QĐST-HNGĐ

Long Thành, ngày 23 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 685/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh **Võ Quang V**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: tổ 14, ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị **Phạm Ngọc H**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: tổ 14, ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Quang V và chị Phạm Ngọc H thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: có 02 cháu.

Cháu Võ Hoàng Thiện N, sinh ngày 28/12/2014.

Cháu Võ Hoàng Trúc A, sinh ngày 01/8/2019.

Anh V và chị H thỏa thuận, anh V nuôi dưỡng cháu N, chị H nuôi dưỡng cháu Anh. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự đều trình bày không có.

[4] Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh V và chị H, mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Quang V và chị Phạm Ngọc H.

- Về con chung:

Anh V được quyền nuôi dưỡng cháu Cháu Võ Hoàng Thiện N, sinh ngày 28/12/2014. Chị H được quyền nuôi dưỡng cháu Võ Hoàng Trúc A, sinh ngày 01/8/2019. Anh V và chị H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh V, chị H được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Võ Quang V và chị Phạm Ngọc H mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh V và chị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006100 ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Anh V, chị H đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- UBND xã An Phước, huyện Long Thành.
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Hùng Minh Sang**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].